TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST Ngày: 27-9-2019 V/v: Tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019 về tranh chấp *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/QĐXX-ST ngày 26/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: khu phố T, phường C, thành phố T, Phú Yên.

2. Bị đơn: Ông Trần Mạnh H, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: 226 N, phường T, thành phố T, Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (L) và ông Trần Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, Phú Yên vào năm 2003. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vả, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Vợ chồng không còn sống chung với nhau đã 04 năm nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông H đã cắt khẩu về địa chỉ 226 N, phường T, T, Phú Yên từ tháng 6/2019. Nay thấy quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: không có; về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Mạnh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn ông Trần Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày

03/12/2003, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng đã không còn sống chung 04 năm nay, ông H đã cắt khẩu về địa chỉ 226 N, phường T, T, Phú Yên từ tháng 6/2019. Nay thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn làm đơn xin được ly hôn với bị đơn. Xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ 04 năm nay, được khu phố trưởng khu phố T, UBND phường C, thành phố T xác nhận. Hiện bị đơn đã nhập khẩu về địa chỉ 226 N, phường T, T, Phú Yên vào tháng 6/2019 theo như xác nhận của Công an phường T, thành phố T và Sổ hộ khẩu đương sự cung cấp. Việc vợ chồng không còn sống chung với nhau một thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị L được ly hôn ông Trần Mạnh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Biên lai thu số 0012562 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường C, T;
(Giấy CNKH số 19 ngày 03/12/2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trọng Khá **Lương Công Hạnh** **Trần Lê Mai**